BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 40 NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2020 - 2021

*(Kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-ĐHQN, ngày 08/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

| STT | Khóa | Mã Ngành | Ngành học | MSSV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm TBHT | Số TC | Xếp loại HT | Xếp loại RL | Xếp loại HB | Số tiền nhận |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 40 | 105 | Công nghệ thông tin | 4051050157 | Phạm Vũ Minh | Đức | 05/08/1999 | 9,65 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 2 | 40 | 105 | Công nghệ thông tin | 4051050084 | Võ Thị | Thao | 06/03/1999 | 9,57 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 3 | 40 | 105 | Công nghệ thông tin | 4051050186 | Trần Đắc | Kỳ | 24/09/1999 | 9,5 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 4 | 40 | 105 | Công nghệ thông tin | 4051050166 | Huỳnh Tấn | Phát | 10/08/1999 | 9,29 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 5 | 40 | 105 | Công nghệ thông tin | 4051050151 | Lê Văn | Lợi | 28/07/1999 | 9,28 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 6 | 40 | 105 | Công nghệ thông tin | 4051050158 | Trần Ngọc | Nghĩa | 02/10/1999 | 9,22 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 6.000.000 |
| 7 | 40 | 105 | Công nghệ thông tin | 4051050180 | Nguyễn Chí | Thạch | 20/07/1998 | 9,22 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 6.000.000 |
| 8 | 40 | 105 | Công nghệ thông tin | 4051050079 | Lưu Đức | Mạnh | 01/01/1999 | 8,89 | 8,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 6.000.000 |
| 9 | 40 | 105 | Công nghệ thông tin | 4051050074 | Nguyễn Văn | Lâm | 22/10/1999 | 8,48 | 8,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 6.000.000 |
| 10 | 40 | 105 | Công nghệ thông tin | 4051050136 | Nguyễn Thành | Nhật | 17/10/1999 | 8,31 | 8,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 6.000.000 |
| 11 | 40 | 901 | Giáo dục Tiểu học | 4059010014 | Trần Thị Minh | Thư | 03/08/1999 | 9,76 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 12 | 40 | 901 | Giáo dục Tiểu học | 4059010059 | Đoàn Thị Trúc | My | 07/07/1999 | 9,74 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 13 | 40 | 901 | Giáo dục Tiểu học | 4059010002 | Trần Kim | Chi | 01/01/1999 | 9,74 | 12,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |

| STT | Khóa | Mã Ngành | Ngành học | MSSV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm TBHT | Số TC | Xếp loại HT | Xếp loại RL | Xếp loại HB | Số tiền nhận |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | 40 | 901 | Giáo dục Tiểu học | 4059010037 | Đinh Văn | Phòng | 17/12/1998 | 9,68 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 15 | 40 | 901 | Giáo dục Tiểu học | 4059010011 | Phan Hồ Tường | Vi | 30/12/1999 | 9,66 | 12,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 16 | 40 | 903 | Giáo dục Mầm non | 4059030031 | Huỳnh Thanh | Thuỷ | 10/10/1999 | 9,7 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 17 | 40 | 903 | Giáo dục Mầm non | 4059030063 | Võ Thị Bích | Hoà | 24/04/1999 | 9,68 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 18 | 40 | 903 | Giáo dục Mầm non | 4059030064 | Phạm Thị Thanh | Thảo | 24/05/1999 | 9,68 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 19 | 40 | 903 | Giáo dục Mầm non | 4059030025 | Nguyễn Thị Như | Quỳnh | 24/07/1999 | 9,68 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 20 | 40 | 903 | Giáo dục Mầm non | 4059030024 | Lê Thị Mỹ | Hiền | 27/01/1999 | 9,68 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 21 | 40 | 902 | Giáo dục Thể chất | 4059020020 | Hồ Yến | Thi | 10/01/1999 | 9,78 | 12,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 6.000.000 |
| 22 | 40 | 902 | Giáo dục Thể chất | 4059020024 | Huỳnh Như | Thiên | 15/03/1999 | 9,74 | 12,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 6.000.000 |
| 23 | 40 | 403 | Kinh tế | 4054030039 | Huỳnh Thị Tuyết | Nhung | 06/11/1999 | 9,85 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 24 | 40 | 403 | Kinh tế | 4054030022 | Nguyễn Thị | Hiền | 07/12/1999 | 9,79 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 25 | 40 | 403 | Kinh tế | 4054030042 | Nguyễn Thị Lệ | Triều | 01/04/1999 | 9,79 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 26 | 40 | 403 | Kinh tế | 4054030073 | Trần Thị Kiều | Thuý | 17/11/1999 | 9,64 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 27 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040270 | Phạm Nguyên Như | Uyên | 20/07/1997 | 10,0 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 28 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040191 | Huỳnh | Nam | 09/10/1999 | 10,0 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 29 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040294 | Nguyễn Thị | Thắm | 15/12/1999 | 10,0 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 30 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040323 | Nguyễn Thị | Thuỳ | 30/08/1998 | 10,0 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 31 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040236 | Phạm Bảo | Thi | 07/05/1999 | 9,85 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |

| STT | Khóa | Mã Ngành | Ngành học | MSSV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm TBHT | Số TC | Xếp loại HT | Xếp loại RL | Xếp loại HB | Số tiền nhận |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 32 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040219 | Nguyễn Thị Kim | Liên | 10/10/1999 | 9,7 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 33 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040243 | Hà Thị Thanh | Trà | 02/12/1999 | 9,7 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 34 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040039 | Trương Thị Thu | Huyền | 13/09/1999 | 9,43 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 35 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040265 | Nguyễn Thanh | Trúc | 18/07/1999 | 9,41 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 36 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040166 | Nguyễn Thị Thuỳ | Duyên | 04/12/1999 | 9,37 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 37 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040058 | Phan Thị | Bảy | 15/09/1999 | 9,37 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 38 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040018 | Nguyễn Thị Kiều | Diễm | 18/05/1999 | 9,35 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 39 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040065 | Nguyễn Thị Hồng | Ái | 27/07/1999 | 9,35 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 40 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040277 | Bùi Hoàng | Châu | 04/11/1999 | 9,32 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 41 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040014 | Huỳnh Thị Kim | Hoanh | 20/10/1999 | 9,29 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 42 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040147 | Đỗ Thị Tú | Nương | 15/11/1999 | 9,28 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 43 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040046 | Nguyễn Ngọc | Hân | 09/09/1999 | 9,26 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 44 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040151 | Đoàn Thị Mỹ | Duyên | 21/08/1999 | 9,23 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 45 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040272 | Nguyễn Tường | Vy | 13/07/1999 | 9,21 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 46 | 40 | 404 | Kế toán | 4054040048 | Nguyễn Thị Kim | Hiền | 10/01/1999 | 9,14 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 47 | 40 | 203 | Quản lý đất đai | 4052030034 | Phan Thị Mỹ | Duyên | 15/01/1999 | 9,63 | 11,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 48 | 40 | 203 | Quản lý đất đai | 4052030045 | Nguyễn Thị | Loan | 10/09/1999 | 9,6 | 11,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 49 | 40 | 203 | Quản lý đất đai | 4052030035 | Đào Thị Lệ | Thoa | 12/09/1999 | 9,5 | 11,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |

| STT | Khóa | Mã Ngành | Ngành học | MSSV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm TBHT | Số TC | Xếp loại HT | Xếp loại RL | Xếp loại HB | Số tiền nhận |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 50 | 40 | 206 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 4052060007 | Lê Thị Diễm | Hồng | 29/03/1999 | 9,66 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 51 | 40 | 206 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 4052060021 | Phan Quốc | Quỳnh | 12/01/1995 | 9,04 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 52 | 40 | 303 | Nông học | 4053030024 | Nguyễn Thị Ngọc | Tưởng | 07/05/1999 | 9,57 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 53 | 40 | 303 | Nông học | 4053030006 | Nguyễn Thị Hồng | Thuỷ | 08/04/1999 | 9,5 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 54 | 40 | 605 | Tâm lý học giáo dục | 4056050013 | Nguyễn Thị Hồng | Nhung | 14/06/1999 | 9,58 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 55 | 40 | 606 | Văn học | 4056060002 | Phan Ngọc | Tài | 26/09/1999 | 9,79 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 56 | 40 | 606 | Văn học | 4056060018 | Nguyễn Thị Hồng | Thắm | 20/01/1999 | 9,14 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 57 | 40 | 608 | Công tác xã hội | 4056080053 | Trần Minh | Dũng | 03/10/1998 | 9,64 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 58 | 40 | 608 | Công tác xã hội | 4056080029 | Nguyễn Thị Bích | Trâm | 12/12/1999 | 9,64 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 59 | 40 | 608 | Công tác xã hội | 4056080095 | Lô Mô Hờ | Phương | 25/11/1999 | 9,58 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 60 | 40 | 608 | Công tác xã hội | 4056080063 | Nguyễn Thị Thanh | Tuyền | 14/02/1999 | 9,53 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 61 | 40 | 608 | Công tác xã hội | 4056080089 | Nguyễn Thị Phương | Diễm | 06/02/1999 | 9,53 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 62 | 40 | 608 | Công tác xã hội | 4056080051 | Nguyễn Thị Kiều | Oanh | 20/06/1999 | 9,53 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 63 | 40 | 609 | Việt Nam học | 4056090073 | Trần Việt | Cường | 20/06/1993 | 9,48 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 64 | 40 | 609 | Việt Nam học | 4056090122 | Huỳnh Thị Kim | Cẩm | 10/08/1998 | 9,3 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 65 | 40 | 609 | Việt Nam học | 4056090051 | Trương Minh | Thư | 20/07/1999 | 9,26 | 12,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 66 | 40 | 609 | Việt Nam học | 4056090102 | Trương Thị Mai | Phương | 21/03/1999 | 9,09 | 12,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 67 | 40 | 609 | Việt Nam học | 4056090061 | Nguyễn Ngọc | Toại | 19/05/1999 | 8,87 | 12,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |

| STT | Khóa | Mã Ngành | Ngành học | MSSV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm TBHT | Số TC | Xếp loại HT | Xếp loại RL | Xếp loại HB | Số tiền nhận |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 68 | 40 | 609 | Việt Nam học | 4056090003 | Nguyễn Thị Thu | Ánh | 24/05/1999 | 8,69 | 12,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 69 | 40 | 609 | Việt Nam học | 4056090013 | Nguyễn Thu | Hà | 18/05/1999 | 8,57 | 12,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 70 | 40 | 611 | Quản lý giáo dục | 4056110004 | Minh | Sơn | 15/05/1999 | 9,2 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 71 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100089 | Võ Thị Kim | Phượng | 14/08/1999 | 9,77 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 72 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100170 | Hoàng Thị Lệ | Hậu | 19/10/1999 | 9,6 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 73 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100010 | Hồ Thị | Phiến | 13/10/1999 | 9,56 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 74 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100172 | Cao Thị Kim | Thuỷ | 10/07/1999 | 9,53 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 75 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100004 | Nguyễn Thị Lệ | Hằng | 07/06/1999 | 9,48 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 76 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100322 | Huỳnh Gia | Quốc | 18/08/1998 | 9,48 | 12,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 77 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100167 | Y | Thơ | 22/10/1999 | 9,47 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 78 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100023 | Nay H' | Mua | 10/02/1998 | 9,47 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 79 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100033 | Phan Hồng | Danh | 15/05/1999 | 9,47 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 80 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100206 | Nguyễn Trung | Luân | 05/11/1999 | 9,44 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 81 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100020 | Cao Huỳnh Khánh | Vy | 02/09/1999 | 9,42 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 82 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100280 | Thị | Lợi | 21/01/1999 | 9,36 | 12,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 83 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100225 | Huỳnh Thị | Diệu | 19/10/1999 | 9,29 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 84 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100007 | Đinh Thị | Hạ | 02/04/1999 | 9,24 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 85 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100298 | Đinh Thị | Kiêm | 26/06/1999 | 9,23 | 12,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |

| STT | Khóa | Mã Ngành | Ngành học | MSSV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm TBHT | Số TC | Xếp loại HT | Xếp loại RL | Xếp loại HB | Số tiền nhận |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 86 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100330 | Alăng Thị Thu | Diễm | 10/08/1998 | 9,15 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 87 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100177 | Văn Trần Thanh | Tâm | 24/05/1999 | 9,05 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 88 | 40 | 610 | Quản lý nhà nước | 4056100309 | Phạm Văn | Lim | 20/04/1999 | 9,05 | 12,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 89 | 40 | 612 | Luật | 4056120187 | Phạm Thị Thanh | Hằng | 14/07/1998 | 9,8 | 14,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 90 | 40 | 612 | Luật | 4056120080 | Cao Thị Ngọc | Thu | 04/08/1998 | 9,8 | 14,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 91 | 40 | 612 | Luật | 4056120161 | Võ Thị | Hương | 24/09/1999 | 9,59 | 14,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 92 | 40 | 612 | Luật | 4056120202 | Nguyễn Thị | Hậu | 18/12/1999 | 9,34 | 14,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 93 | 40 | 612 | Luật | 4056120094 | Nguyễn Gia | Hân | 26/10/1999 | 9,31 | 14,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 94 | 40 | 612 | Luật | 4056120066 | Trịnh Thành | Nam | 12/02/1999 | 9,3 | 14,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 95 | 40 | 612 | Luật | 4056120019 | Mai Thị | Danh | 03/10/1999 | 9,29 | 14,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 96 | 40 | 612 | Luật | 4056120052 | Lê | Hoàng | 08/03/1999 | 8,99 | 14,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 97 | 40 | 612 | Luật | 4056120121 | Nguyễn Cẩm | My | 25/08/1998 | 8,94 | 14,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 98 | 40 | 612 | Luật | 4056120049 | Nguyễn Phương | Nghị | 30/08/1999 | 8,89 | 14,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 99 | 40 | 612 | Luật | 4056120013 | Nguyễn Ngọc Bảo | Châu | 20/09/1999 | 8,86 | 14,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 100 | 40 | 612 | Luật | 4056120145 | Trần Đăng | Thắng | 19/09/1999 | 8,81 | 14,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 101 | 40 | 612 | Luật | 4056120004 | Nguyễn Đình | Hiếu | 15/02/1999 | 8,7 | 14,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 102 | 40 | 612 | Luật | 4056120170 | Nguyễn Thị Hồng | Phúc | 03/01/1999 | 8,64 | 14,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 103 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510432 | Võ Nhật | Tân | 20/12/1999 | 8,96 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |

| STT | Khóa | Mã Ngành | Ngành học | MSSV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm TBHT | Số TC | Xếp loại HT | Xếp loại RL | Xếp loại HB | Số tiền nhận |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 104 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510069 | Phạm Thị Lê | Hà | 24/12/1999 | 8,84 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 105 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510325 | Lê Huỳnh | Huệ | 27/09/1999 | 8,66 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 106 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510019 | Huỳnh Kim | Chi | 02/02/1998 | 8,66 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 107 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510307 | Nguyễn Thị Ngọc | Yến | 02/02/1999 | 8,61 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 108 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510054 | Huỳnh Phạm Thanh | Nhã | 26/05/1999 | 8,59 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 109 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510060 | Nguyễn Thị Phương | Nhã | 20/01/1999 | 8,58 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 110 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057519001 | Nguyễn Thị Mỹ | Hạnh | 09/09/1999 | 8,49 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 111 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510501 | Nguyễn Quỳnh Bội | Nhu | 25/08/1999 | 8,49 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 112 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510214 | Lê Nguyễn Thanh | Thơ | 09/09/1999 | 8,42 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 113 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510004 | Trần Thị Phương | Loan | 17/03/1999 | 8,4 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 114 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510455 | Võ Nguyễn Thị Thu | Ngân | 10/10/1999 | 8,39 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 115 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510071 | Nguyễn Hồng | Vân | 15/05/1999 | 8,38 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 116 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510581 | Cao Ngọc | Thuý | 12/07/1999 | 8,37 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 117 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510626 | Nguyễn Thị Mỹ | Nương | 29/09/1999 | 8,36 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 118 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510204 | Nguyễn Thị Mỹ | Vân | 06/06/1999 | 8,36 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 119 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510043 | Đặng Nguyễn Anh | Thi | 20/06/1999 | 8,34 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 120 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510110 | Đỗ Thị | Giang | 20/10/1999 | 8,33 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 121 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510215 | Lê Thị Hà | Giang | 15/08/1999 | 8,32 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |

| STT | Khóa | Mã Ngành | Ngành học | MSSV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm TBHT | Số TC | Xếp loại HT | Xếp loại RL | Xếp loại HB | Số tiền nhận |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 122 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510083 | Sử Thị | Thuý | 10/09/1999 | 8,31 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 123 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510003 | Lê Thị Bích | Hoà | 28/11/1999 | 8,31 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 124 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510030 | Dương Thị Lệ | Hằng | 06/10/1999 | 8,3 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 125 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510465 | Nguyễn Hồng Khánh | Linh | 29/09/1999 | 8,29 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 126 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510549 | Lê Thị | Thảnh | 27/02/1998 | 8,29 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 127 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510235 | Bùi Cẩm | Tú | 14/06/1999 | 8,29 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 128 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510378 | Lê Nguyễn Mỹ | Hạnh | 14/06/1999 | 8,27 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 129 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510520 | Nguyễn Tô Hải | Yến | 20/11/1999 | 8,26 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 130 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510167 | Phan Nguyễn Diễm | My | 04/03/1999 | 8,23 | 13,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 131 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510331 | Phạm Nhật | Trường | 18/01/1999 | 8,22 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 132 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510453 | Nguyễn Thị Bích | Hợp | 16/10/1999 | 8,21 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 133 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510538 | Phạm Thị Minh | Tâm | 01/07/1999 | 8,2 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 134 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510320 | Đinh Khoa | Nghĩa | 01/07/1999 | 8,16 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 135 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510330 | Nguyễn Anh | Thư | 03/09/1998 | 8,16 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 136 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510260 | Hồ Hoàng | Nam | 24/12/1999 | 8,14 | 9,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 137 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510189 | Lê Thị Hồng | Anh | 26/01/1999 | 8,14 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 138 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510529 | Lê Thị | Vẫn | 24/07/1999 | 8,12 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 139 | 40 | 751 | Ngôn ngữ Anh | 4057510149 | Lê Huyền Thoại | My | 25/03/1999 | 8,11 | 9,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |

| STT | Khóa | Mã Ngành | Ngành học | MSSV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm TBHT | Số TC | Xếp loại HT | Xếp loại RL | Xếp loại HB | Số tiền nhận |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 140 | 40 | 101 | Sư phạm Toán học | 4051010038 | Lê Thị Trường | Giang | 23/10/1999 | 9,81 | 14,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 141 | 40 | 101 | Sư phạm Toán học | 4051010035 | Lê Phương | Thảo | 07/05/1999 | 9,74 | 14,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 142 | 40 | 101 | Sư phạm Toán học | 4051010051 | Phạm Quang | Hưng | 01/09/1999 | 9,7 | 14,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 143 | 40 | 101 | Sư phạm Toán học | 4051010021 | Đặng Thị Thu | Thảo | 16/04/1999 | 9,64 | 14,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 144 | 40 | 102 | Sư phạm Vật Lý | 4051020029 | Phạm Thảo | Trâm | 21/07/1999 | 9,07 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 145 | 40 | 102 | Sư phạm Vật Lý | 4051020002 | Nguyễn Thị Mỹ | Duyên | 27/10/1999 | 8,98 | 12,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 6.000.000 |
| 146 | 40 | 102 | Sư phạm Vật Lý | 4051020024 | Trương Quỳnh | Như | 26/08/1998 | 8,93 | 12,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 6.000.000 |
| 147 | 40 | 113 | Sư phạm Tin học | 4051130009 | Hà Thị Ngọc | Trâm | 14/11/1999 | 9,57 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 148 | 40 | 201 | Sư phạm Hóa học | 4052010004 | Nguyễn Thị Thanh | Bích | 25/09/1999 | 9,8 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 149 | 40 | 201 | Sư phạm Hóa học | 4052010016 | Phạm Thị Yến | Nhi | 01/11/1999 | 9,8 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 150 | 40 | 201 | Sư phạm Hóa học | 4052010022 | Võ Minh | Hiếu | 19/06/1999 | 9,76 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 151 | 40 | 301 | Sư phạm Sinh học | 4053010019 | Trương Thị Mỹ | Quỳnh | 20/07/1999 | 9,78 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 6.150.000 |
| 152 | 40 | 601 | Sư phạm Ngữ văn | 4056010017 | Nguyễn Thị Thuỳ | Trang | 18/08/1999 | 9,96 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 153 | 40 | 601 | Sư phạm Ngữ văn | 4056010041 | Đỗ Ngọc Huyền | Trân | 01/09/1999 | 9,92 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 154 | 40 | 601 | Sư phạm Ngữ văn | 4056010018 | Tạ Thị Hồng | Nhung | 17/03/1999 | 9,86 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 155 | 40 | 602 | Sư phạm Lịch sử | 4056020004 | Đỗ Đình | Nguyên | 13/02/1997 | 9,76 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 156 | 40 | 602 | Sư phạm Lịch sử | 4056020025 | Phan Thị | Nguyệt | 18/03/1999 | 9,72 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 157 | 40 | 603 | Sư phạm Địa lý | 4056030025 | Nguyễn Thành | Trung | 08/12/1999 | 9,76 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |

| STT | Khóa | Mã Ngành | Ngành học | MSSV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm TBHT | Số TC | Xếp loại HT | Xếp loại RL | Xếp loại HB | Số tiền nhận |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 158 | 40 | 604 | Giáo dục chính trị | 4056040011 | Lê Huỳnh Ngọc | Trâm | 17/03/1999 | 9,63 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 159 | 40 | 701 | Sư phạm Tiếng Anh | 4057010026 | Nguyễn Xuân | Hồng | 21/10/1998 | 9,23 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 160 | 40 | 701 | Sư phạm Tiếng Anh | 4057010020 | Ngô Minh Như | Toại | 22/04/1999 | 9,19 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 161 | 40 | 701 | Sư phạm Tiếng Anh | 4057010017 | Huỳnh Phương | Nhi | 01/06/1999 | 9,15 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 162 | 40 | 701 | Sư phạm Tiếng Anh | 4057010019 | Ngô Kim | Phụng | 14/09/1999 | 9,08 | 12,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 163 | 40 | 701 | Sư phạm Tiếng Anh | 4057010044 | Nguyễn Thị Tường | Vy | 28/06/1999 | 9,03 | 12,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 164 | 40 | 701 | Sư phạm Tiếng Anh | 4057010024 | Nguyễn Thị Quế | Hằng | 20/05/1999 | 8,98 | 12,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 165 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054019001 | Nguyễn Thị Huyền | Nha | 20/04/1998 | 9,42 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 166 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010011 | Lê Thị | Ngọc | 16/05/1999 | 9,08 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 167 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010060 | Lê Thị Ánh | Nhi | 16/05/1999 | 8,7 | 10,0 | Giỏi | Xuất sắc | Giỏi | 5.050.000 |
| 168 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010324 | Nguyễn Thị | Na | 21/05/1999 | 8,67 | 10,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 169 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010146 | Nguyễn Thị Mỹ | Ngọc | 10/04/1999 | 9,32 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 170 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010202 | Trần Thị Tuyết | Mến | 20/02/1999 | 9,23 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 171 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010003 | Nguyễn Thị Thanh | Lợi | 20/11/1999 | 9,79 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 172 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010085 | Huỳnh Thị Mỹ | Huệ | 11/06/1999 | 9,79 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 173 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010113 | Võ Thị Thu | Sương | 17/04/1999 | 9,58 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 174 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010254 | Phạm Thị | Diệu | 21/08/1999 | 9,58 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 175 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010121 | Trần Thị Thu | Thảo | 28/07/1999 | 9,52 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |

| STT | Khóa | Mã Ngành | Ngành học | MSSV | Họ và tên | | Ngày sinh | Điểm TBHT | Số TC | Xếp loại HT | Xếp loại RL | Xếp loại HB | Số tiền nhận |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 176 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010173 | Phạm Thị | Lắm | 04/11/1999 | 9,17 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 177 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010057 | Hoàng Thị Lan | Anh | 20/05/1999 | 9,38 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 178 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010191 | Nguyễn Thị | Thọ | 09/02/1999 | 9,29 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 179 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010203 | Nguyễn Thị Hiền | Yến | 14/07/1999 | 9,03 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 180 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010027 | Trần Thị | Trọng | 23/09/1999 | 8,84 | 10,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 181 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010193 | Phạm Thị Mỹ | Trinh | 21/07/1999 | 8,59 | 10,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 182 | 40 | 401 | Quản trị kinh doanh | 4054010199 | Lê Thị Quế | Châu | 15/06/1999 | 8,54 | 10,0 | Giỏi | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 183 | 40 | 405 | Tài chính - Ngân hàng | 4054050019 | Lê Tuyết | Nhung | 26/08/1997 | 9,85 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |
| 184 | 40 | 405 | Tài chính - Ngân hàng | 4054050056 | Lê Bảo | Lâm | 08/10/1999 | 9,35 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 185 | 40 | 405 | Tài chính - Ngân hàng | 4054050009 | Nguyễn Xuân | Phương | 21/11/1999 | 9,3 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 186 | 40 | 405 | Tài chính - Ngân hàng | 4054050053 | Võ Thị | Hội | 12/08/1999 | 9,59 | 10,0 | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | 5.200.000 |
| 187 | 40 | 405 | Tài chính - Ngân hàng | 4054050044 | Nguyễn Lương | Thiện | 17/08/1999 | 9,5 | 10,0 | Xuất sắc | Tốt | Giỏi | 5.050.000 |

***Ấn định danh sác này gồm có 187 sinh viên*** ***Tổng cộng*** ***986.150.000***

***Bằng chữ: Chín trăm tám mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng***

*Bình Định, ngày 08 tháng 7 năm 2021*

**HIỆU TRƯỞNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ